TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2026/QĐST-HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 30 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 02/2026/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985; Căn cước số: 0371850003xx nơi cấp Bộ Công an cấp ngày 20/10/2025.

Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã K, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: Số nhà C thôn P, xã K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1984; Số căn cước công dân: 0370840069xx nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2021.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn B
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung, về con riêng.

- *Về con chung*: Giao anh Đỗ Văn B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Đỗ Quốc Đ sinh ngày 30/03/2009 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị Phạm Thị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung cho anh Đỗ Văn B.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về con riêng*: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn B đều thống nhất vợ chồng không có con riêng, không đề nghị Toà án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, tài sản riêng, về công nợ chung, công nợ riêng: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Văn B đều thống nhất vợ chồng không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công nợ riêng.

2.3.Về án phí: Chị Phạm Thị T nộp toàn bộ án phí khi ly hôn là 150.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003951 ngày 30/12/2025 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 4 - Ninh Bình. Chị Phạm Thị T còn được hoàn lại số tiền 150.000 đồng trong tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựthì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 4 - Ninh Bình;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình.
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Khanh